TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HSST.
Ngày 23 tháng 01 năm 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Cương, bà Lò Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Tường Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/HSST/2018 ngày 05 tháng 01 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX ngày 12/01/2018 đối với bị cáo:

**Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1983 tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký HKKTT: Tiểu khu X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng phái, chính trị: không; con ông Bùi Đức T, sinh năm 1959, con bà: Phạm Thị Th, sinh năm 1959; chồng Trần Quang H1, sinh năm 1979, có 01 con sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2017 đến ngày 28/11/2017 được hủy biện pháp tạm giam, tại ngoại đến nay có mặt.

***Người bị hại:***

Hà Văn T, sinh năm 1961. Trú tại: bản H, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Bùi Thị Thu H thông qua Nguyễn Thị T (mợ của H) là cán bộ y tế công tác tại trạm y tế xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu, nên H biết gia đình Hà Văn T có nhu cầu xin việc cho con trai là Hà Văn C trú tại huyện Yên Châu đã tốt nghiệp hệ trung cấp trường Cao đẳng y tế Sơn La muốn được tuyển dụng viên chức làm việc tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Ngày 15/10/2015 H gọi điện cho Hà Thị L (là con gái ông Hà Văn T) H đưa ra thông tin gian dối với Hà Thị L là Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên, huyện Mộc Châu đang có chỉ tiêu tuyển dụng việc làm, sắp hết hạn nộp hồ sơ xin việc. H nói là đã từng xin được việc làm cho nhiều người và hứa hẹn chắc chắn sẽ xin được cho em của Loan trong quý I năm 2016 với điều kiện gia đình ông T phải nộp số tiền 200.000.000 đồng cho H, đồng thời H gọi điện thoại cho Nguyễn Thị T, nhờ T nói với gia đình ông Hà Văn T nếu muốn xin việc cho Hà Văn C thì nộp hồ sơ xin việc cùng số tiền 200.000.000 đồng cho H. Nguyễn Thị T tin tưởng nên đã nói lại nội dung trên với gia đình Hà Văn T.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/10/2015, Bùi Thị Thu H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Elantra, màu sơn đen biển kiểm soát 26A – XXX của gia đình H đến nhà Hà Văn T. T có mời Nguyễn Thị T đến chứng kiến việc ông nộp tiền và hồ sơ xin việc của Hà Văn C. H hứa nếu không xin được việc sẽ trả tiền cho gia đình ông T và lãi xuất theo quy định. T đã tin tưởng lời hứa hẹn của H nên đã nhất trí giao hồ sơ xin việc và số tiền 150.000.000 đồng cho H, còn 50.000.000 đồng khi xin được việc cho C thì sẽ giao nốt. H đồng ý, ông T và H có viết giấy biên nhận 150.000.000 đồng của Hà Văn T và có Nguyễn Thị T ký là người làm chứng.

Đến đầu tháng 6 năm 2016 H tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với gia đình ông T là đến tháng 7 năm 2016, Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên sẽ tổ chức thi công chức và yêu cầu gia đình ông T nộp thêm cho H 50.000.000đ. Ngày 06/6/2016, H đến nhà ông T, T đưa cho H 40.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng T hẹn đến khi C được đi làm thì sẽ đưa nốt, H đồng ý

Đến hết tháng 7/2016 C vẫn không được đi làm, gia đình ông T gọi điện cho H hỏi thì H yêu cầu gia đình T phải nộp thêm cho H 70.000.000 đồng thì mới xin được việc cho C. Do gia đình ông T không có tiền và thấy H có dấu hiệu gian dối nên ông T đòi lại số tiền 190.000.000 đồng. L gọi điện nhiều lần cho H để đòi lại tiền nhưng H khất lần và nói chưa lấy lại được tiền nên chưa trả. Gia đình bà T có vay của H 90.000.000 đồng để làm ăn, gia đình bà T đã bảo H chuyển trả số tiền 90.000.000 đồng cho gia đình Hà Văn T, H đồng ý, giao số tiền 90.000.000 đồng cho gia đình Hà Văn T. Số tiền 100.000.000 đồng còn lại gia đình ông T đòi nhiều lần nhưng H không trả. Ngày 24/7/2017, Hà Văn T nộp đơn đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu giải quyết. Ngày 17/10/2017 Bùi Thị Thu H chuyển số tiền 100.000.000 đồng để trả cho gia đình ông T. Số tiền nhận lại ông T đã sử dụng hết 50.000.000 đồng, còn lại số tiền 50.000.000 đồng ông T đã giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu để phục vụ công tác điều tra.

Vật chứng thu giữ của Bùi Thị Thu H: 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Phạm Thị Th; 01 giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô biển kiểm soát 26A – 022.50; 01 chiếc điện thoại Iphone vỏ màu trắng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Thu H.

Theo kết quả xác minh tại Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên, huyện Mộc Châu về hình thức tuyển dụng viên chức chỉ có 1 hình thức tuyển dụng là xét tuyển (không phải thi công chức), từ năm 2014 đến nay bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên tổ chức 2 đợt xét tuyển viên chức. Đợt 1 thông báo và nhận hồ sơ vào quý 1 năm 2014, tổ chức xét vào quý 2 năm 2014. Đợt 2 thông báo và nhận hồ sơ vào quý 3 năm 2016 và xét tuyển vào quý 1 năm 2017 (năm 2015 không tổ chức xét tuyển). Căn cứ vào bản danh sách giao nhận hồ sơ thí sinh dự tuyển viên chức từ năm 2014 đến năm 2017 không có người nào tên Hà Văn C nộp hồ sơ dự tuyển.

Tại bản cáo trạng số 10/KSĐT-KT ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Bùi Thị Thu H tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên toà sau khi trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo Bùi Thị Thu H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H từ 30 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường: Bị cáo đã bồi thường đủ số tiền 190.000.000 đồng cho người bị hại Hà Văn T, ông T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Viện kiểm sát không đề nghị.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhất trí nội dung cáo trạng đã truy tố, cũng như nội dung luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, được cải tạo tại địa phương.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Người bị hại Hà Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn trình bày đã được bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền do bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, mặt khác đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa Kiểm sát viên và bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của Hà Văn T không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 292; khoản 3 Điều 299 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về hành vi của bị cáo thể hiện: Do biết gia đình ông Hà Văn T có nhu cầu xin việc cho con trai là Hà Văn C, với mục đích chiếm đoạt tài sản, Bùi Thị Thu H đã đưa ra thông tin gian dối, hứa hẹn với gia đình ông Hà Văn T là sẽ xin cho Hà Văn C được tuyển dụng viên chức công tác tại Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên, huyện Mộc Châu với chi phí xin việc là 200.000.000 đồng. Do tin tưởng, gia đình ông T đã giao cho Hường hồ sơ của Hà Văn C cùng số tiền 190.000.000 đồng. Bùi Thị Thu H đã chiếm đoạt được 190.000.000 đồng của gia đình ông Hà Văn T chi tiêu vào mục đích cá nhân.

Xét thấy tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát, lời khai của bị cáo phù hợp với: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại; lời khai của các nhân chứng; vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ.

Từ các căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Bùi Thị Thu H đưa ra thông tin gian dối, hứa hẹn xin được tuyển dụng vào công tác tại bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu làm cho người có tài sản tin và giao tài sản sau đó đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 190.000.000 đồng, hành vi Bùi Thị Thu H đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm e " Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng" khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Hành vi của bị cáo Bùi Thị Thu H là nguy hiểm cho xã hội phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự sự quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chiếm đoạt để bồi thường khắc phục hậu quả; người bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo có ông ngoại là Phạm Văn S tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng huân chương hạng nhất, huân chương chiến sĩ vẻ vang là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được gia đình và chính quyền địa phương có đơn bảo lãnh cải tạo tại địa phương nên có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại điều 60 Bộ luật hình sự, cũng có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung và phù hợp với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về trách nhiệm bồi thường: Bị cáo đã bồi thường đủ số tiền 190.000.000 đồng cho người bị hại Hà Văn T, ông T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, sự thỏa thuận bồi thường trên là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Về vật chứng: Đối với số tiền 50.000.000 đồng do Hà Văn T nộp lại cơ quan điều tra để phục vụ cho công tác điều tra, ngày 27/11/2017 cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông T, xét việc trả lại số tiền trên cho ông T là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với những tài sản và giấy tờ cơ quan điều tra thu giữ khi bắt và khám xét nơi ở của bị cáo Bùi Thị Thu H, xét những tài sản và giấy tờ không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với Nguyễn Thị T vì tin tưởng cháu gái là Bùi Thị Thu H có thể xin được việc cho Hà Văn C nên T đã giới thiệu H với gia đình Hà Văn T. Nguyễn Thị T không hứa hẹn hay thỏa thuận từ trước với H về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hà Văn T, không được hưởng lợi trong việc Bùi Thị Thu H nhận tiền của Hà Văn T nên không đề cập đến việc xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Thu H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1/ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46;

khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 60 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 23/01/2018).

Giao bị cáo Bùi Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mộ, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Chấp nhận bị cáo Bùi Thị Thu H đã bồi thường cho người bị hại Hà Văn T số tiền 190.000.000 đồng, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/01/2018).

Người bị hại Hà Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- Bị cáo; bị hại ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

*(Đã ký)*

**Đào Ngọc Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Ngọc Hà**